

CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC ĐẠI HỌC

(Ban hành kèm Quyết định số 285 /QĐ-ĐHPT ngày 01 tháng 06 năm 2024
của Trường Đại học Phan Thiết)

A. Thông tin tổng quát (General information)

- Tên chương trình tiếng Việt: Chuyên ngành Tiếng Anh Du lịch
- Tên chương trình tiếng Anh: English for Tourism
- Trình độ đào tạo: Đại học
- Ngành đào tạo tiếng Việt: Ngôn ngữ Anh
- Ngành đào tạo tiếng Anh: English Language
- Mã ngành: 7220201
- Thời gian đào tạo: 3.5 năm
- Loại hình đào tạo: Chính quy, tập trung
- Số tín chỉ: 125 (không bao gồm học phần GDTC, GDQPAN)
- Văn bằng tốt nghiệp: Cử nhân/Đại học
- Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Anh, Tiếng Việt, Tiếng Trung và Tiếng Nga (đối với Ngoại ngữ 2)

B. Mục tiêu đào tạo và Chuẩn đầu ra (Program Objectives and Learning Outcomes)

1. Mục tiêu đào tạo (Program Objectives)

1.1. Mục tiêu chung

Đào tạo cử nhân ngành Ngôn ngữ Anh - Chuyên ngành tiếng Anh Du lịch chất lượng cao có năng lực nghề nghiệp đảm bảo thực hiện các nhiệm vụ nhà giáo, cung cấp nguồn năng lực đáp ứng yêu cầu phát triển nhân lực cho đất nước nói chung và tỉnh Bình Thuận nói riêng. Sinh viên tốt nghiệp ngành Ngôn ngữ Anh - Chuyên ngành tiếng Anh Du lịch có kiến thức, kỹ năng, chuyên môn, nghiệp vụ, phẩm chất cá nhân, phẩm chất nghề nghiệp và phẩm chất đạo đức đáp ứng yêu cầu đổi mới của thị trường lao động.

1.2. Mục tiêu cụ thể

1.2.1. Về kiến thức:

PO1. Có kiến thức về các học phần khoa học tự nhiên (phương pháp nghiên cứu khoa học), tin học và ngoại ngữ 2 (tiếng Trung).

PO2. Có sự hiểu biết về lý luận chính trị, lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam, tư tưởng Hồ Chí Minh; có kiến thức cơ bản trong các lĩnh vực Khoa học tự nhiên, xã hội, và văn hóa.

PO3. Có kiến thức về các học phần lý thuyết, kiến thức về ngôn ngữ học: hình vị học, âm vị học, cú pháp, ngữ nghĩa học.

PO4. Có năng lực thực hành, thảo luận nhóm, kiến thức về văn hóa Anh - Mỹ, Văn học Anh - Mỹ, kiến tập, thực tập, kiến thức về chuyên ngành Du lịch.

1.2.2. Về kỹ năng

PO5. Sử dụng thành thạo tiếng Anh trong công tác dịch vụ kinh doanh du lịch.

PO6. Sử dụng thành thạo tiếng Anh trong công tác hướng dẫn Du lịch.

PO7. Ứng dụng công nghệ thông tin trong học tập, nghiên cứu và phát triển nghề, kỹ năng về vi tính (phần mềm Words, Excel, PowerPoint).

PO8. Kỹ năng thuyết trình, kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng sắp xếp công việc, kỹ năng quản lý thời gian, kỹ năng ứng xử và làm việc nhóm hiệu quả.

1.2.3. Về thái độ

PO9. Ý thức trách nhiệm cao, có ý chí quyết tâm, vượt khó, sẵn sàng thích nghi với những thay đổi của môi trường làm việc, chủ động lập kế hoạch phát triển nghề nghiệp của bản thân.

PO10. Thể hiện nhận thức đúng đắn, thái độ, đạo đức nghề nghiệp đúng đắn, nghiêm túc, trung thực.

1.2.4. Về vị trí làm việc sau tốt nghiệp

Sinh viên tốt nghiệp cử nhân ngành Ngôn ngữ Anh - Chuyên ngành Tiếng Anh Du lịch có thể làm các công việc:

Hướng dẫn viên du lịch: đón tiếp khách nội địa và quốc tế có sử dụng tiếng Anh, tổ chức các hoạt động du lịch theo yêu cầu, giới thiệu (hoặc liên hệ với người giới thiệu) tại các điểm du lịch, đảm bảo hoạt động ăn ở, di chuyển và sự an toàn cho khách trong suốt chuyến đi, giải quyết các vấn đề phát sinh hoặc báo về công ty du lịch để được hướng dẫn...

Quản lý du lịch chủ yếu làm việc trong văn phòng với các báo cáo, đề án, hồ sơ, gặp gỡ đối tác, tham dự hội thảo, tham gia các đợt quảng bá du lịch.

Điều hành du lịch (ví dụ: Điều hành tour,...), phân công việc cho các hướng dẫn viên, tiếp nhận và giải quyết những khiếu nại của khách, những vấn đề phát sinh trong tour nhận, điều phối những người điều khiển phương tiện đưa đón và phục vụ khách nội địa và quốc tế. Biên dịch các hợp đồng, brochure quảng cáo; thiết kế, tổ chức, định giá, marketing và bán Tour du lịch quốc tế.

Nhân viên marketing du lịch, đảm nhận công việc nghiên cứu thị trường du lịch, tìm hiểu nhu cầu của khách nội địa và quốc tế, đưa ra hướng phát triển phù hợp cho doanh nghiệp, vừa đáp ứng đúng sản phẩm cần thiết, vừa thu lợi nhuận cao, giảm thiểu những rủi ro không mong muốn.

Nhân viên lễ tân: nhận điện thoại, trả lời các thông tin liên quan đến doanh nghiệp mình, tiếp đón khách, nhận thông tin về yêu cầu của khách quốc tế, kiểm tra xem các dịch vụ có đáp ứng đúng yêu cầu của khách không và giúp khách trong các việc điện thoại, nhận và ký gửi đồ, thanh toán... theo các nguyên tắc giao tiếp quốc tế phù hợp.

Nhân viên phục vụ bàn, bếp, bar, buồng phòng phục vụ khách quốc tế nói tiếng Anh trong các resort, khách sạn cao cấp, chuẩn quốc tế.

Ngoài ra cũng có thể làm chuyên viên, nhân viên tại các viện nghiên cứu giáo dục, ngôn ngữ, văn hóa, sở, ban ngành, doanh nghiệp có sử dụng tiếng Anh.

1.2.5. Khả năng học tập nâng cao trình độ sau khi tốt nghiệp

Tiếp tục học tập, nghiên cứu khoa học, nâng cao năng lực để tiếp cận vị trí quản lý trong các cơ quan, doanh nghiệp uy tín trong và ngoài nước.

2. Chuẩn đầu ra (Program learning outcomes)

Chuẩn đầu ra	Giải thích	Nhóm CĐR
PLO1	Hiểu và vận dụng được kiến thức nền tảng về lý luận chính trị, khoa học tự nhiên và Quốc phòng – An ninh.	Kiến thức
PLO2	Hiểu và vận dụng được những kiến thức, kỹ năng tiếng Anh trong giao tiếp và trong học thuật (Nghe, Nói, Đọc, Viết) tương đương trình độ C1 theo khung tham chiếu Châu Âu về năng lực ngoại ngữ.	
PLO3	Tiến hành được các hoạt động biên phiên dịch trong lĩnh vực du lịch; các hoạt động nghiệp vụ liên quan đến lĩnh vực du lịch bao gồm cả đánh giá tâm lý du khách, quản lý, điều hành và phát triển các doanh nghiệp du lịch.	
PLO4	Hiểu và vận dụng được những kiến thức về văn học, văn hóa, giao tiếp bằng ngôn ngữ và phi ngôn ngữ; so sánh, đối chiếu những hành vi, giá trị, tín ngưỡng, quan niệm sống giữa nhiều nền văn hóa khác nhau.	
PLO5	Hiểu biết và vận dụng được hệ thống thuật ngữ tiếng Anh dùng trong lĩnh vực du lịch.	
PLO6	Kỹ năng thực hành tiếng Anh và kỹ năng phân tích, tổng hợp và đánh giá các vấn đề liên quan tới sử dụng tiếng Anh vào chuyên ngành Du lịch.	Kỹ năng
PLO7	Lập luận, tư duy được cách tiếp cận hệ thống, nghiên cứu và giải quyết được các vấn đề phát sinh trong lĩnh vực du lịch.	
PLO8	Thiết kế, điều hành, hướng dẫn được các tour du lịch trong nước và quốc tế.	
PLO9	Phát triển được kỹ năng giao tiếp, thuyết trình, đàm phán trong kinh doanh.	
PLO10	Có kỹ năng ứng dụng công nghệ thông tin trong học tập, nghiên cứu và phát triển nghề	
PLO11	Sử dụng được tiếng Trung trong giao tiếp tương đương trình độ A2 theo khung tham chiếu Châu Âu về năng lực ngoại ngữ	Mức tự chủ và trách nhiệm
PLO12	Hình thành ý thức tự phát triển bản thân và khả năng học tập suốt đời.	
PLO13	Tự tạo việc làm sau khi tốt nghiệp, thực thi trách nhiệm với công việc và với xã hội, tuân thủ pháp luật và chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp trong lĩnh vực ngoại ngữ là tiếng Anh và tiếng Trung hoặc tiếng Nga.	
PLO14	Nắm vững nguyên tắc đạo đức nghề nghiệp, sẵn sàng đảm nhận mọi công việc được giao.	

3. Khối lượng kiến thức toàn khóa

Tổng khối lượng kiến thức tích lũy cho toàn khóa tối thiểu là 125 tín chỉ, không bao gồm Giáo dục Thể chất (3 tín chỉ) và Giáo dục Quốc phòng (8 tín chỉ).

4. Đối tượng tuyển sinh

Công dân đã có bằng tốt nghiệp THPT hoặc tương đương theo quy định tại Quy chế tuyển sinh đại học, cao đẳng hệ chính quy hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

5. Quy trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp

5.1. Quy trình đào tạo

Chương trình thực hiện theo Quy chế đào tạo trình độ đại học ban hành kèm theo Thông tư số 08/2021/TT-BGDĐT ngày 18 tháng 3 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo và quy định hiện hành của Nhà trường.

5.2. Điều kiện tốt nghiệp

Sinh viên được công nhận tốt nghiệp khi hội đủ các điều kiện được quy định tại điều 14 Quy chế đào tạo trình độ đại học ban hành kèm theo Thông tư số 08/2021/TT-BGDĐT ngày 18 tháng 3 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo và quy định hiện hành của Nhà trường

- Cho đến thời điểm xét tốt nghiệp không bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc không đang trong thời gian bị kỷ luật ở mức đình chỉ học tập.

- Tích lũy đủ số tín chỉ môn học và khối lượng kiến thức quy định cho CTĐT mỗi khóa.

- Điểm trung bình chung tích lũy của toàn khóa học đạt từ 2.00 trở lên.

- Đạt điểm rèn luyện từ 5.0 trở lên (tối thiểu xếp loại trung bình/ toàn khóa học)

- Có Chứng chỉ ứng dụng Công nghệ thông tin cơ bản theo Chuẩn kỹ năng sử dụng Công nghệ thông tin cơ bản (gồm đủ 6 mô đun cơ bản) quy định tại Thông tư 03/2014/TT-BTTTT

- Chứng chỉ ứng dụng Công nghệ thông tin nâng cao theo Chuẩn kỹ năng sử dụng Công nghệ thông tin nâng cao quy định tại Thông tư 03/2014/TT-BTTTT

- Có chứng chỉ Kỹ năng mềm do Trung tâm phát triển nguồn nhân lực trường Đại học Phan Thiết cấp

- Có chứng chỉ Giáo dục Quốc phòng và hoàn thành môn học Giáo dục Thể chất

- Tham gia hoạt động cộng đồng theo quy định của Nhà trường (15 ngày công ích)

6. Cách thức đánh giá

Chương trình sử dụng thang điểm 10, quy đổi tương đương sang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy định của Trường.

7. Nội dung chương trình

TT	Tên môn học	Mã Môn học	Số tín chỉ			Môn tiên quyết (nếu có)
			TC	LT	TH/TT	
7.1	Kiến thức giáo dục đại cương		13			
	7.1.1. Lý luận chính trị					
1	Triết học Mác- Lênin Marxist-Leninist philosophy	190441	3	2	1	
2	Kinh tế chính trị Mác - Lênin Marxist - Leninist political economy	190117	2	2		
3	Chủ nghĩa xã hội khoa học Science socialism	190014	2	2		
4	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam History of the Communist Party of Vietnam	190152	2	2		
5	Tư tưởng Hồ Chí Minh Ho Chi Minh Ideology	190443	2	2		
6	Pháp luật đại cương	190255	2			

	General Law					
7.2. Kiến thức khoa học cơ bản			23			
7.2.1. Khoa học xã hội			3			
7	Tin học căn bản Basic Informatics	200026	3	1	2	
7.2.2. Ngoại ngữ			9			
8	Tiếng Trung 1 Chinese 1	190424	3	2	1	
9	Tiếng Trung 2 Chinese 2	190425	3	2	1	
10	Tiếng Trung 3 Chinese 3	190426	3	2	1	
7.2.3. Giáo dục Thể chất			3		3	
11	Giáo dục Thể chất 1 Physical Education 1	190060	2		2	
12	Giáo dục Thể chất 2 Physical Education 2	190061	1		1	
7.2.4. Giáo dục Quốc phòng - An ninh			8		8	
13	Giáo dục Quốc phòng Military and Defense Education	190059	8		8	
7.3. Kiến thức cơ sở và cốt lõi ngành			85			
7.3.1. Kiến thức cơ sở của ngành			47			
14	Nghe- Nói 1 Listening- Speaking 1	220110	4	2	2	
15	Nghe- Nói 2 Listening- Speaking 2	220111	4	2	2	
16	Nghe- Nói 3 Listening- Speaking 3	220112	4	2	2	
17	Nghe- Nói 4 Listening- Speaking 4	220113	4	2	2	
18	Nghệ thuật nói trước công chúng (Public Speaking) Public Speaking	200700	2	1	1	
19	Đọc 1 Reading 1	200001	3	2	1	
20	Đọc 2 Reading 2	190051	3	2	1	
21	Đọc 3 Reading 3	190052	3	2	1	
22	Viết 1 Writing 1	190456	3	2	1	
23	Viết 2 Writing 2	190457	3	2	1	
24	Viết 3 Writing 3	190458	3	2	1	
25	Viết 4 Writing 4	200704	2	1	1	
26	Thực hành luyện âm Practice of Pronunciation	200023	3	1	2	
27	Ngữ pháp 1 Grammar 1	200015	3	2	1	

28	Ngữ Pháp 2 Grammar 2	190237	3	2	1	
7.3.2. Kiến thức ngành và chuyên sâu:			38			
7.3.2.1. Kiến thức chung:			8			
<i>Bắt buộc:</i>						
29	Dẫn luận ngôn ngữ học An introduction to linguistics	190035	2	2		
30	Tiếng việt thực hành Vietnamese Practice	190428	2	1	1	
31	Văn hóa Anh - Mỹ British-American Cultures	200701	2	1	1	
32	Văn học Anh - Mỹ British-American Literature	200708	2	1	1	
7.3.2.2 Kiến thức chuyên ngành:			30			
<i>Bắt buộc:</i>			12			
33	Ngữ âm-Âm vị học Phonetics and Phonology	220313	2	1	1	
34	Cú pháp (Syntax) Syntax	190030	2	1	1	
35	Biên dịch Translation	220119	3	2	1	
36	Phiên dịch Interpretation	200147	3	2	1	
37	Hình vị học Morphology	190080	2	1	1	
Tự chọn: Chọn 1 trong các môn sau theo thứ tự ở cột ghi chú			18			
38	Du lịch 1 Tourism 1	200707	3	2	1	
39	Tiếng Anh Tổng quan Du lịch English Tourism Overview	220141	3	2	1	
40	Tiếng Anh trong thiết kế và điều hành Tour English in Tour design and operations	220143	3	2	1	
41	Du Lịch 2 Tourism 2	200713	3	2	1	
42	Tiếng Anh hướng dẫn du lịch English Travel Guide	220137	2	1	1	
43	Tiếng Anh trong tổ chức sự kiện English in Event Management	220144	2	1	1	
44	Tuyển điểm Du lịch (Marketing Destination) Marketing Destination	200714	2	1	1	
7.4. Kiến thức thực tập và trải nghiệm			11			
7.4.1. Kiến tập			2		2	
45	Kiến tập (Observation) Observation	220380	2		2	
7.4.2. Thực tập & KLTN (hoặc học môn thay thế)			9	9		
46	Khoá luận tốt nghiệp Graduation Thesis	200057	9	9		
Môn học thay thế Khóa luận tốt nghiệp			9			
47	Tiếng Anh thực hành	190399	3	1	2	

	English practice					
48	Thực tập tốt nghiệp Graduation Internship	190360	6	1	5	
7.5. Kiến thức nghiên cứu và các thành phần khác			4			
49	Phương pháp nghiên cứu khoa học Scientific research method	190270	2	2		
50	Đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp Innovation and Entrepreneurship	220217	2	1	1	
Tổng cộng			125			

Ghi chú: TC: tín chỉ

LT: Lý thuyết

TH/TT: Thực hành/thực tập

*Không tính điểm tích lũy

8. Kế hoạch giảng dạy

Các môn Giáo dục Thể chất và Giáo dục Quốc phòng đào tạo theo kế hoạch chung của Trường.

TT	Tên môn học	Mã Môn học	Số tín chỉ			Ghi chú
			TC	LT	TH	
HỌC KỲ 1			13			
1	Triết Học Mác – Lê nin	190441	3	2	1	
2	Thực hành luyện âm	200023	3	1	2	
3	Nghe-Nói 1	220110	4	2	2	
4	Ngữ Pháp 1	200015	3	2	1	
HỌC KỲ 2			15			
1	Pháp luật đại cương	190255	2	2		
2	Tin Học Căn Bản	200026	3	1	2	
3	Giáo Dục Thể Chất 1 *	190060	2		2	
4	Kinh tế chính trị Mác – Lênin	190117	2	2		
5	Độc 1	200001	3	2	1	
6	Viết 1	190456	3	2	1	
HỌC KỲ 3			15			
1	Giáo Dục Thể Chất 2 *	190061	1	1		
2	Chủ Nghĩa Xã Hội Khoa Học	190014	2	2		
3	Phương pháp nghiên cứu khoa học	190270	2	2		
4	Nghe- Nói 2	220111	4	2	2	
5	Độc 2	190051	3	2	1	
6	Ngữ Pháp 2	190237	3	2	1	
HỌC KỲ 4			13			
1	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	190152	2	2		
2	Viết 2	190457	3	2	1	
3	Ngữ âm-Âm vị học	220313	2	1	1	
4	Nghe- Nói 3	220112	4	2	2	
5	Dẫn luận ngôn ngữ học	190035	2	2		
HỌC KỲ 5			13			
1	Tư tưởng Hồ Chí Minh	190443	2	2		
2	Độc 3	190052	3	2	1	
3	Nghe- Nói 4	220113	4	2	2	
4	Tiếng Việt Thực hành	190428	2	1	1	
5	Kiến tập (Observation)	220380	2		2	

HỌC KỲ 6			15		
1	Giáo dục Quốc phòng - An ninh *	190059	8		8
2	Viết 3	190458	3	2	1
3	Hình vị học (Morphology)	190080	2	1	1
4	Văn hóa Anh - Mỹ	200701	2	1	1
HỌC KỲ 7			15		
Học phần bắt buộc					
1	Nghệ thuật nói trước công chúng (Public Speaking)	200700	2	1	1
2	Tiếng Trung 1	190424	3	2	1
3	Văn học Anh - Mỹ	200708	2	1	1
4	Cú pháp (Syntax)	190030	2	1	1
Học phần tự chọn					
5	Du lịch 1	200707	3	2	1
6	Tiếng Anh Tổng quan Du lịch	220141	3	2	1
HỌC KỲ 8			14		
Học phần bắt buộc					
1	Đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp	220217	2	1	1
2	Biên dịch	220119	3	2	1
3	Phiên dịch	200147	3	2	1
4	Tiếng Trung 2	190425	3	2	1
Học phần tự chọn					
5	Tiếng Anh trong thiết kế và điều hành Tour	220143	3	2	1
HỌC KỲ 9			14		
Học phần bắt buộc					
1	Tiếng Trung 3	190426	3	2	1
2	Viết 4	200704	3	2	1
Học phần tự chọn					
3	Du Lịch 2	200713	3	2	1
4	Tiếng Anh hướng dẫn du lịch	220137	2	1	1
5	Tiếng Anh trong tổ chức sự kiện	220144	2	1	1
6	Tuyển điểm Du lịch (Marketing Destination)	200714	2	1	1
HỌC KỲ 10			9		
<i>Chọn 1 trong 2 hình thức tốt nghiệp</i>					
1	Khoá luận tốt nghiệp	200057	9	9	
2	Môn học thay thế				
	Tiếng Anh thực hành	190399	3	1	2
	Thực tập tốt nghiệp	190360	6	1	5
Tổng cộng			125		

9. Hướng dẫn thực hiện chương trình

9.1. Xây dựng đề cương chi tiết các môn học

Trên cơ sở chương trình đào tạo, giảng viên biên soạn đề cương chi tiết theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và của Trường với một số điểm cần lưu ý:

- Việc triển khai chi tiết các môn học phải đảm bảo tính logic của việc truyền đạt và tiếp thu các mảng kiến thức, cần qui định các môn học tiên quyết của môn học kế tiếp trong chương trình đào tạo.

- Về nội dung: Trừ phần kiến thức tự chọn, các môn học còn lại là bắt buộc thực hiện. Nội dung trong đề cương là những nội dung cốt lõi của môn học. Có thể bổ sung thêm

nội dung hay thời lượng cho một môn học nào đó, phần thời lượng thêm vào được lấy từ thời lượng môn học tự học của khối kiến thức tương ứng.

- Phân kiến thức tự chọn: Sinh viên lựa chọn các môn học trên cơ sở số tín chỉ tích lũy quy định cho nhóm môn học tự chọn để đảm bảo tích lũy đủ số tín chỉ. Phân kiến thức tự chọn, hàng năm có thể thay đổi, bổ sung để đáp ứng yêu cầu cập nhật và hội nhập.

- Ngoài ra chương trình có môn học Kiến tập nhằm giúp cho sinh viên làm quen với thực tế doanh nghiệp từ năm thứ 2, sẽ triển khai vào học kỳ 5 của khóa học, sinh viên đến kiến tập tại doanh nghiệp.

- Về yêu cầu thực hiện số lượng bài tập (nếu có) của các môn học do giảng viên qui định nhằm giúp sinh viên nắm vững kiến thức lý thuyết, rèn luyện kỹ năng cần thiết.

- Tất cả các môn học đều phải có giáo trình, tập bài giảng, tài liệu tham khảo, tài liệu hướng dẫn... đã in sẵn cung cấp cho sinh viên. Tùy theo nội dung các môn học, giảng viên xác định phương pháp giảng dạy cho phù hợp.

9.2. Định hướng phương pháp dạy học

- Chương trình được biên soạn theo hướng đổi mới các phương pháp dạy và học đại học: giảm số giờ lý thuyết, dành nhiều thời gian cho sinh viên tự học tập, nghiên cứu, đọc tài liệu, thảo luận, làm các bài tập và thực tập;

- Khối kiến thức của chương trình phù hợp với khuôn khổ mà Bộ Giáo dục và Đào tạo đã quy định cho chương trình giáo dục trình độ đại học.

9.3. Định hướng đánh giá

- Đánh giá học tập thường xuyên bằng kiểm tra lý thuyết, thực hành, viết tiểu luận, vấn đáp.

- Môn Kiến tập, Kỹ năng học tập và các môn học chuyên đề Kỹ năng được đánh giá kết quả học tập theo thang điểm 10, được tính vào điểm trung bình chung tích lũy.

- Tổ chức thi kết thúc môn học theo hình thức: tự luận, trắc nghiệm khách quan, viết tiểu luận hoặc kết hợp với các hình thức trên.

- Quy trình tổ chức thi, kiểm tra, đánh giá thực hiện theo quy chế hiện hành của Nhà trường.

9.4. Tốt nghiệp

Ngoài môn thực tập tốt nghiệp, sinh viên thực hiện khóa luận tốt nghiệp hoặc học các môn học tích lũy thay thế khóa luận theo quy định của Khoa, cụ thể:

9.4.1. Tốt nghiệp với Khóa luận tốt nghiệp (KLTN) Điều kiện làm KLTN:

Thực hiện theo Điều 16 Chương III của quyết định 78/QĐ-ĐHPT ngày 26/01/2024 về việc ban hành quy chế đào tạo đại học chính quy theo hệ thống tín chỉ của trường đại học Phan Thiết.

9.4.2. Tốt nghiệp với các môn học thay thế KLTN:

Đối với các học phần tích lũy để tốt nghiệp, sinh viên có thể tích lũy dần dần ở các học kỳ.

Sinh viên có thể đăng ký các môn học thay thế KLTN trước khi thực tập tốt nghiệp.

10. Mối liên hệ giữa mục tiêu chương trình đào tạo và chuẩn đầu ra

CDR (PLO)	Nội dung	PO 1	PO 2	PO 3	PO 4	PO 5	PO 6	PO 7	PO 8	PO 9	PO 10
PLO1	Hiểu và vận dụng được kiến thức nền tảng về lý luận chính trị, khoa học tự nhiên và Quốc phòng – An ninh.	X	X					X			
PLO2	Hiểu và vận dụng được những kiến thức, kỹ năng tiếng Anh trong giao tiếp và trong học thuật (Nghe, Nói, Đọc, Viết) tương đương trình độ C1 theo khung tham chiếu Châu Âu về năng lực ngoại ngữ.			X							
PLO3	Tiến hành được các hoạt động biên phiên dịch trong lĩnh vực du lịch; các hoạt động nghiệp vụ liên quan đến lĩnh vực du lịch bao gồm cả đánh giá tâm lý du khách, quản lý, điều hành và phát triển các doanh nghiệp du lịch.					X	X				
PLO4	Hiểu và vận dụng được những kiến thức về văn học, văn hóa, giao tiếp bằng ngôn ngữ và phi ngôn ngữ; so sánh, đối chiếu những hành vi, giá trị, tín ngưỡng, quan niệm sống giữa nhiều nền văn hóa khác nhau.		X	X	X						
PLO5	Hiểu biết và vận dụng được hệ thống thuật ngữ tiếng Anh dùng trong lĩnh vực du lịch.				X	X					
PLO6	Kỹ năng thực hành tiếng Anh và kỹ năng phân tích, tổng hợp và đánh giá các vấn đề liên quan tới sử dụng tiếng Anh vào chuyên ngành Du lịch.				X	X					
PLO7	Lập luận, tư duy được cách tiếp cận hệ thống, nghiên cứu và giải quyết được các vấn đề phát sinh trong lĩnh vực du lịch.				X	X					
PLO8	Thiết kế, điều hành, hướng dẫn được các tour du lịch trong nước và quốc tế.						X				
PLO9	Phát triển được kỹ năng giao tiếp, thuyết trình, đàm phán trong kinh doanh.					X	X		X		

CDR (PLO)	Nội dung	PO 1	PO 2	PO 3	PO 4	PO 5	PO 6	PO 7	PO 8	PO 9	PO 10
PLO10	Có kỹ năng ứng dụng công nghệ thông tin trong học tập, nghiên cứu và phát triển nghề							X			
PLO11	Sử dụng được tiếng Trung trong giao tiếp tương đương trình độ A2 theo khung tham chiếu Châu Âu về năng lực ngoại ngữ	X									
PLO12	Hình thành ý thức tự phát triển bản thân và khả năng học tập suốt đời.							X	X	X	X
PLO13	Tự tạo việc làm sau khi tốt nghiệp, thực thi trách nhiệm với công việc và với xã hội, tuân thủ pháp luật và chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp trong lĩnh vực ngoại ngữ là tiếng Anh và tiếng Trung hoặc tiếng Nga.							X	X	X	X
PLO14	Nắm vững nguyên tắc đạo đức nghề nghiệp, sẵn sàng đảm nhận mọi công việc được giao.					X	X			X	X

11. Mối liên hệ giữa mục tiêu học phần và chuẩn đầu ra

	PL O1	PL O2	PL O3	PL O4	PL O5	PL O6	PL O7	PL O8	PL O9	PL O10	PL O11	PL O12	PL O13	PL O14
Triết học Mác- Lênin	I											R		
Kinh tế chính trị Mác – Lênin	I											R		
Chủ nghĩa xã hội khoa học	I											R		
Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	I											R		
Tư tưởng Hồ Chí Minh	I											R		
Pháp luật đại cương	I									R		R		
Tin học căn bản	R									R		R		

	PL O1	PL O2	PL O3	PL O4	PL O5	PL O6	PL O7	PL O8	PL O9	PL O10	PL O11	PL O12	PL O13	PL O14
Tiếng Trung 1										R	I	R		
Tiếng Trung 2										R	R	R		
Tiếng Trung 3										R	M	R		
Giáo dục Thể chất 1	R											R		
Giáo dục Thể chất 2	R											R		
Giáo dục Quốc phòng-An ninh	I											R		
Nghe- Nói 1		I										R		
Nghe- Nói 2		R										R		
Nghe- Nói 3		M										R		
Nghe- Nói 4		M										R		
Nghệ thuật nói trước công chúng (Public Speaking)		M								R		M		
Đọc 1		I										R		
Đọc 2		R										R		
Đọc 3		M										R		
Viết 1		I										R		
Viết 2		R										R		
Viết 3		M										R		
Viết 4	I	M										R		
Thực hành luyện âm		M								R		R		
Ngữ pháp 1		R										R		
Ngữ Pháp 2		M										R		
Dẫn luận ngôn ngữ học		R								R		R		
Tiếng việt thực hành		M										R		
Văn hóa Anh - Mỹ				M					R	R		R		
Văn học Anh - Mỹ				M					R	R		R		
Ngữ âm- Âm vị học		M								R		R		
Cú pháp (Syntax)		M								R		R		
Biên dịch			R	R		R				R		R		
Phiên dịch			R	R		R				R		R		

	PL O1	PL O2	PL O3	PL O4	PL O5	PL O6	PL O7	PL O8	PL O9	PL O10	PL O11	PL O12	PL O13	PL O14
Hình vị học (Morphology)		M								R		R		
Du lịch 1			R		R	R	R		R	R				
Tiếng Anh Tổng quan Du lịch			R		R	R	R		R	R				
Tiếng Anh trong thiết kế và điều hành Tour			R		R	R	R	M	R	R				
Du Lịch 2			M		M	M	M		M	M				
Tiếng Anh hướng dẫn du lịch			R		R	R	R	M	M	R				
Tiếng Anh trong tổ chức sự kiện			R		R	R	R	M	M	R				
Tuyến điểm Du lịch (Marketing Destination)			R		R	R	R	M	M	R				
Kiến tập (Observation)	R	R	R	R	R	R	R	R	R	R	R	R	R	R
Khoá luận tốt nghiệp	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M		M	M	M
Tiếng Anh thực hành	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M		M	M	M
Thực tập tốt nghiệp	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M
Phương pháp nghiên cứu khoa học										M		R	R	
Đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp										R		R	R	R

Ghi chú: M (Master), R (Reinforced), I (Introduction)

12. Ma trận đối sánh CDR CTĐT theo khung trình độ quốc gia bậc Đại học

CDR theo khung	Kiến thức	Kỹ năng	Mức tự chủ và trách nhiệm
----------------	-----------	---------	---------------------------

trình độ QG CDR CTĐT	K T1	K T2	K T3	K T4	K T5	K N1	K N2	K N3	K N4	K N5	K N6	TCT N1	TCT N2	TCT N3	TCT N4
PLO1		X				X						X			
PLO2	X										X	X			
PLO3	X	X			X				X		X	X			X
PLO4	X	X				X				X	X	X		X	X
PLO5	X	X									X	X			
PLO6	X				X				X		X	X		X	X
PLO7	X				X	X						X		X	
PLO8	X	X	X	X	X	X	X		X	X	X	X	X		X
PLO9						X				X	X	X			
PLO10			X			X									X
PLO11	X										X	X			
PLO12	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X
PLO13	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X
PLO14												X		X	X

13. Đề cương chi tiết